

Chi tiết mã HS 3003.31.00

Mã HS	3003.31.00
Mô tả hàng hóa	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm từ hai hoặc nhiều thành phần trở lên đã pha trộn với nhau dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, chưa được đóng gói theo liều lượng hoặc làm thành hình dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ / - Loại khác, chứa hormon hoặc các sản phẩm khác thuộc nhóm 29.37: / - - Chứa insulin
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	01/11/2026 16:18:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30033100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4559
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4559
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4559
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4480
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4441
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4441
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4441
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4441
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4441
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4441
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4479
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4479
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4479
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4479

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4479
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4479
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4483
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4483
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4483
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4483
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4483
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4483
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4483
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4447
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4443
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4443
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4443
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4443
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4443
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4443
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4443
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4443
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4443
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4443
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4443
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4443
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4490
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4490
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4490
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4490

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4490
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4490
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D4487
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E4487
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F4487
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G4487
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H4487
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I4487
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4495
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4495
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4495
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4495
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4495
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4495
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4466
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4466
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4466
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4466
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4466
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4466
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4468
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4468
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4468
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4468
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4468
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4468

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4466
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4466
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4466
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4466
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4466
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4466
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4466
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4487
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4487
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4487
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4487
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4487
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4487
RCEP B	2022	2022	0	B!D4487
RCEP B	2023	2023	0	B!E4487
RCEP B	2024	2024	0	B!F4487
RCEP B	2025	2025	0	B!G4487
RCEP B	2026	2026	0	B!H4487
RCEP B	2027	2027	0	B!I4487
RCEP C	2022	2022	0	C!D4487
RCEP C	2023	2023	0	C!E4487
RCEP C	2024	2024	0	C!F4487
RCEP C	2025	2025	0	C!G4487
RCEP C	2026	2026	0	C!H4487
RCEP C	2027	2027	0	C!I4487
RCEP D	2022	2022	0	D!D4487

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4487
RCEP D	2024	2024	0	D!F4487
RCEP D	2025	2025	0	D!G4487
RCEP D	2026	2026	0	D!H4487
RCEP D	2027	2027	0	D!I4487
RCEP E	2022	2022	0	E!D4490
RCEP E	2023	2023	0	E!E4490
RCEP E	2024	2024	0	E!F4490
RCEP E	2025	2025	0	E!G4490
RCEP E	2026	2026	0	E!H4490
RCEP E	2027	2027	0	E!I4490
RCEP F	2022	2022	0	F!D4487
RCEP F	2023	2023	0	F!E4487
RCEP F	2024	2024	0	F!F4487
RCEP F	2025	2025	0	F!G4487
RCEP F	2026	2026	0	F!H4487
RCEP F	2027	2027	0	F!I4487
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4130
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4130
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4130
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4130

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
--------------	-----	------------	-------	-------------------------	-------------------	-------------	------------------------

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3003.31.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3003.31.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4559), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.